

# DAO ĐỘNG TRONG BIÊN HẠP

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

**MUA**

Nhà đầu tư tận dụng những nhịp rung lắc trong phiên để giải ngân từng phần ở những cổ phiếu có xu hướng ổn định bám sát đường MA20 ngày, thu hút được dòng tiền giải ngân và dư địa tăng còn đáng kể từ vùng hỗ trợ.

**BÁN**

Nhà đầu tư ngắn, trung hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, canh bán chốt lời một phần danh mục khi VN-Index tiến tới ngưỡng kháng cự 1.240–1.245 điểm.

# STB

**NĂM GIỮ**

**↑ 3,92%**

**VND34.500**

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm điểm trong phiên giao dịch ngày thứ Tư (27/11), trong đó chỉ số Nasdaq giảm mạnh nhất khi một loạt cổ phiếu công nghệ chìm trong sắc đỏ.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Trạng thái của chủ đạo của thị trường đó là việc lực cầu thận trọng trở lại, trong khi lực bán cũng không nhiều. Thanh khoản thị trường giảm đáng kể so với cùng thời điểm phiên trước đó. Về kỹ thuật, VN-Index hình thành nền thân ngắn, đi kèm thanh khoản sụt giảm cho thấy một phiên đi ngang trung tính. Việc tiếp tục giữ được điểm số đóng cửa trên ngưỡng MA20 ngày và chưa xuất hiện lực bán chủ động đang phản ánh trạng thái tâm lý tương đối ổn định của bên nắm giữ cổ phiếu.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	44.860,31	0,28	19,03
S&P 500	6.021,63	0,57	26,24
Nasdaq	19.175,58	0,63	27,74
VIX	14,10	-3,42	13,25
DAX	19.295,98	-0,56	15,19
FTSE 100	8.258,61	-0,40	6,79
CAC40	7.194,51	-0,87	-4,62
Hang Seng	19.187,05	0,15	12,55

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	SELL	SELL	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	49,03	SELL
MACD (12,26)	-9,79	SELL
ADX (14)	22,97	SELL
SMA5	1.229,96	BUY
SMA20	1.240,29	BUY
SMA50	1.262,21	SELL
SMA100	1.259,21	SELL
SMA200	1.257,06	SELL

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Theo dữ liệu mới công bố, tiêu dùng tháng 10 của Mỹ tăng mạnh hơn so với dự báo, cho thấy nền kinh tế duy trì động lực tăng trưởng mạnh nhưng tốc độ giảm lạm phát dường như chững lại. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 tăng 0,2% so với tháng trước và 2,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, tỷ lệ lạm phát lõi (core inflation), đã trừ đi năng lượng và lương thực, tăng 0,3% trong tháng và 2,8% so với cùng kỳ năm trước.
- Theo dữ liệu từ công cụ FedWatch Tool của sàn giao dịch CME, sau báo cáo lạm phát, thị trường đặt cược 70% khả năng Fed sẽ hạ lãi suất 0,25 điểm phần trăm trong cuộc họp vào tháng 12 tới, tăng so với gần 59% một ngày trước đó. Tuy nhiên, Fed được dự báo sẽ không điều chỉnh lại suất trong cuộc họp tháng 1 và tháng 3.
- Giá dầu thô Brent giao sau tại London giảm 42 cent/thùng, tương đương giảm 0,6%, còn 72,39 USD/thùng. Giá dầu WTI giao sau tại New York giảm 51 cent/thùng, tương đương giảm 0,7%, còn 68,26 USD/thùng.
- Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, với kết quả 293.484 tấn gạo đạt được trong nửa đầu tháng 11/2024, đã nâng tổng lượng gạo xuất khẩu của cả nước tính từ đầu năm đến ngày 15/11/2024 lên 8,05 triệu tấn, trị giá 5,05 tỷ USD...So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu gạo tăng 9,16% về khối lượng, tăng 21,49% về kim ngạch.
- TV2:** Ngày 6/12 tới đây, PECC2 sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và trả cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 1.000 đồng và dự kiến thanh toán ngày 12/12.
- NCB:** Ngân hàng TMCP Quốc Dân đã phát hành thành công 99,65% số lượng cổ phiếu chào bán cho các nhà đầu tư trong nước, tương đương hơn 617 triệu cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày kết thúc đợt phát hành là ngày 26/11/2024. Sau khi phát hành thành công số lượng cổ phiếu trên, vốn điều lệ của ngân hàng lên gần 11.800 tỷ đồng.
- MPC:** Ngày 10/12 tới đây, Thủy sản Minh Phú sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 7,5%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận 750 đồng và dự kiến thanh toán ngày 9/1/2025.
- PVD:** Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí đang triển khai đầu tư giàn khoan tự nâng đa năng 3 chân rời có dầm trượt và dự kiến đưa vào hoạt động từ quý IV/2025 nhằm đáp ứng nhu cầu giàn khoan tự nâng đang tăng trưởng mạnh tại thị trường nội địa và khu vực.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.630,72	-0,09	27,52
Dầu WTI	68,70	-0,10	-4,12
Dầu Brent	72,78	-0,04	-5,53
Than	141,00	0,00	-3,69
Đồng	9.000,50	-0,50	5,16
Quặng sắt	102,97	-1,92	-25,34
Thép	488,00	0,00	-13,57

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	106,83	-0,17	5,42
USD/JPY	152,63	0,29	-7,59
USD/CNY	7,2522	-0,03	-2,10
EUR/USD	1,0487	-0,02	-5,00
GBP/USD	1,2573	0,03	-1,24

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	18/12/2024	-0,25
ECB	3,40%	12/12/2024	-0,25
BOE	4,75%	19/12/2024	-0,25
BOJ	0,25%	19/12/2024	0,15
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
VHM	186,27	42.700	2,64
HPG	336,04	26.300	0,77
FPT	247,30	133.900	0,00
MWG	269,24	59.000	0,00
STB	167,56	32.850	0,61

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	516.432,03	92.400	1,20
BID	263.645,16	46.250	1,54
FPT	198.888,55	135.200	0,97
VHM	184.625,18	42.400	-0,70
CTG	189.560,71	35.300	0,57

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# STB

## Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng tăng tỷ trọng

Ngưỡng cắt lỗ

## NĂM GIỮ

33.200

34.500

3,92%

32.500-32.800

<30.000

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế 9 tháng đầu năm nay, Sacombank ghi nhận 8.094 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước; hoàn thành 76,4% kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Sacombank đã trình phương án lên NHNN để được chủ động xử lý khoản nợ trên theo hình thức đấu giá từ năm 2023. Các khoản nợ này cũng đã được Ngân hàng Sacombank trích lập đầy đủ, vì vậy việc đấu giá thành công sẽ giúp ngân hàng ghi nhận một khoản lợi nhuận đột biến từ hoàn nhập dự phòng.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- STB vẫn đang trong nhịp hồi phục từ đáy đi lên, tuy nhiên, đường giá vẫn nằm dưới MA20, MA50 ngày. Áp lực rung lắc chốt lời có thể xuất hiện quanh vùng cản 33.500-33.800 đồng. Nhà đầu tư có thể theo dõi diễn biến cổ phiếu trong những phiên tới để có hành động phù hợp, vùng mua tăng tỷ trọng quanh ngưỡng hỗ trợ 32.500-32.800 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q3 2024
DTT (tỷ đ)	26.141	26.173	7.238
LNTT (tỷ đ)	6.339	9.595	2.752
LNST (tỷ đ)	5.041	7.719	2.201
Nợ/VCSH (%)	167	147	0
ROE (%)	12,31	18,30	18,42
ROA (%)	0,91	1,22	1,29
EPS (VNĐ)	2.380	4.094	4.641
P/E (lần)	9,5	6,8	6,98
P/B (lần)	1,10	1,15	1,19

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	NEUTRAL	BUY

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	48,19	BUY
MACD (12,26)	-0,27	SELL
ADX (14)	29,13	BUY
SMA5	32.990	BUY
SMA20	33.710	SELL
SMA50	33.610	SELL
SMA100	31.540	BUY
SMA200	30.630	BUY

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	GMD	Mua	63,8-65	12/11/2024	65	70,2	61,8			-1,08%
2	HCM	Nắm giữ	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7			4,26%
3	STB	Nắm giữ	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30			5,40%
4	DPM	Nắm giữ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33			0,85%
5	VCI	Mua	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4			0,15%
6	ANV	Nắm giữ	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3			1,11%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	PNJ	Chốt lời	95-96,5	2/8/2024	96	108	91,6	20/8/2024	108	12,50%
2	MWG	Chốt lời	59,5-62	20/6/2024	62	69,8	57,5	21/8/2024	69,8	12,58%
3	HCM	Chốt lời	24,5-25,5	15/8/2024	25,5	30,5	23,8	27/8/2024	29,4	15,29%
4	VCI	Cắt lỗ	46-47,1	22/8/2024	46,9	52,5	44,7	10/9/2024	44,7	-4,69%
5	HCM	Chốt lời	27,5-28,3	17/9/2024	28,2	30,5	26,8	20/9/2024	30,9	9,57%
6	MBB	Chốt lời	22,8-23,3	2/8/2024	23,3	26,1	21,8	26/9/2024	25,75	10,52%
7	PLX	Cắt lỗ	44-46	20/9/2024	45,35	49,8	42,8	15/10/2024	42,8	-5,62%
8	DBC	Chốt lời	27,4-28,5	21/8/2024	28,3	32,3	27	15/10/2024	31,3	10,60%
9	GVR	Cơ cấu	33,3-34,5	20/8/2024	34,5	38,3	32,5	22/10/2024	35,3	2,32%
10	DCM	Cắt lỗ	36-37	9/9/2024	37	40,8	35,2	22/10/2024	36,6	-1,08%
11	NKG	Cắt lỗ	20,5-21	18/9/2024	21	23,5	20	22/10/2024	20,5	-2,38%
12	PVT	Cắt lỗ	27,5-28,5	25/9/2024	28,1	31	26,6	22/10/2024	27,6	-1,78%
13	KBC	Cơ cấu	26,5-27	3/10/2024	27	29,8	25,7	22/10/2024	27,2	0,74%
14	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
15	MWG	Cắt lỗ	63,5-65,5	17/9/2024	65,5	72,8	61,8	12/11/2024	61,8	-5,65%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới  
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 10/1/2024		
Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Dưới 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	-18-37%
Mã CP	MSSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Có thể DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Dưới 59	-(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	-13%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Nằm giữ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	-13%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	999,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)